TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2022/QĐST-HNGĐ	*Chư Sê, ngày 30 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Anh Bùi Xuân K, sinh năm 19xx và chị Trịnh Thị T, sinh năm 19xx; Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Ia P, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân K và chị Trịnh Thị T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 06/01/20xx tại Uỷ ban nhân dân xã D, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại buổi hoà giải, anh K và chị T không đồng ý đoàn tụ gia đình, cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh K và chị T có 03 con chung là Bùi Trịnh Phi H, sinh ngày 01/10/20xx; Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 19/11/20xx; Bùi Thị Gia H, sinh ngày 06/11/20xx. Cháu Bùi Trịnh Phi H, sinh ngày 01/10/20xx đã thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên anh K và chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với cháu Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 19/11/20xx; Bùi Thị Gia H, sinh ngày 06/11/20xx, anh K và chị T tự nguyện thỏa thuận cháu Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 19/11/20xx cho anh K, giao cháu Bùi Thị Gia H, sinh ngày 06/11/20xx cho chị T nuôi dưỡng. Cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về chia tài sản chung và vay nợ: anh K và chị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về lệ phí: Chị T tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:: Anh Bùi Xuân K và chị Trịnh Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Anh Bùi Xuân K và chị Trịnh Thị T có 03 con chung là Bùi Trịnh Phi H, sinh ngày 01/10/20xx; Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 19/11/20xx; Bùi Thị Gia H, sinh ngày 06/11/20xx. Cháu Bùi Trịnh Phi H, sinh ngày 01/10/20xx đã thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên anh K, chị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với cháu Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 19/11/20xx; Bùi Thị Gia H, sinh ngày 06/11/20xx, anh K và chị T tự nguyện thỏa thuận đồng thời phù hợp với nguyện vọng cháu H, cháu D: Giao cháu Bùi Thị Mỹ D, sinh ngày 19/11/20xx cho anh K, giao cháu Bùi Thị Gia H, sinh ngày 06/11/20xx cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con anh K và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và vay nợ: Anh K và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về lệ phí: Chị Trịnh Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí Tòa án là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng),* được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005xxx ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ tiền lệ phí Tòa án.

2. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- UBND xã (01 bản);
- Lưu hồ sơ (01 bản).

THẨM PHÁN
(đã ký và đóng dấu)

Vương Đức Phượng